

**II./ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ 4 NĂM 2008**

STT	CHỈ TIÊU	Kỳ Báo Cáo	Lũy Ké
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	160,939,880,604	564,752,413,753
2	Các khoản giảm trừ	1,410,857,043	3,191,648,543
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	159,529,023,561	561,560,765,210
4	Giá vốn hàng bán	145,838,686,462	514,017,210,437
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	13,690,337,099	47,543,554,773
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1,192,584,057	4,840,181,757
7	Chi phí hoạt động tài chính	2,666,339,483	6,062,041,953
8	Chi phí bán hàng	7,561,893,686	23,098,771,674
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,156,685,584	7,604,715,502
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,498,002,403	15,618,207,401
11	Thu nhập khác	1,524,964,791	4,169,280,632
12	Chi phí khác	1,326,453,757	3,310,454,379
13	Lợi nhuận khác	198,511,034	858,826,253
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	2,696,513,437	16,477,033,654
15	Thuế thu nhập phải nộp	1,053,215,654	2,982,541,207
16	Lợi nhuận sau thuế	1,643,297,783	13,494,492,447
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	-	-
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

TP.HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM HỒNG NGỌC

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

NGUYỄN VĂN ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

QUÝ 4 NĂM 2008

I./ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	69,478,316,475	123,617,805,574
1	Tiền mặt	18,065,650,596	7,948,661,987
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2,049,030,000	5,842,715,335
3	Các khoản phải thu	20,664,791,319	45,536,507,536
4	Hàng tồn kho	27,082,731,476	60,529,582,858
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,616,113,084	3,760,337,858
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	19,129,341,253	52,727,444,560
1	Tài sản cố định	17,917,106,241	40,940,277,906
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	25,424,311,040	41,716,628,248
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	(9,601,684,799)	(12,422,767,142)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	2,106,980,000	11,658,916,800
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	(12,500,000)	(12,500,000)
	- Chi phí XDCB dở dang	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,016,000,000	11,509,050,000
3	Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
4	Chi phí trả trước dài hạn	196,235,012	278,116,654
5	Các chi phí khác	-	-
III	TỔNG TÀI SẢN	88,607,657,728	176,345,250,134
IV	NỢ PHẢI TRẢ	60,838,297,842	73,218,576,255
1	Nợ ngắn hạn	60,838,297,842	72,628,118,655
2	Nợ dài hạn	-	590,457,600
3	Nợ khác	-	-
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	27,769,359,886	103,126,673,879
1	Nguồn vốn và quỹ	27,433,985,807	101,891,797,771
	- Nguồn vốn kinh doanh	16,257,300,000	43,312,110,000
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Thặng dư vốn	-	44,746,960,600
	- Các quỹ	5,439,510,066	7,463,756,550
	- Lợi nhuận chưa phân phối	5,737,175,741	6,368,970,621
2	Nguồn kinh phí	335,374,079	1,234,876,108
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	88,607,657,728	176,345,250,134

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2009

Người lập	Kế Toán Trưởng	TỔNG GIÁM ĐỐC
HẠM HỒNG NGỌC	NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH	NGUYỄN VĂN ĐỨC